

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2020/HC-PT
Ngày: 29-7-2020
V/v Khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Trần Thị Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 24/2020/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2020 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2019/HC-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái bị người khởi kiện kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5329/2020/QĐPT-HC ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1966 và ông Đặng Thế, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái; Đều có mặt

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Ích Ch - Phó Chủ tịch UBND huyện VC, tỉnh Yên Bái; Có mặt.

3. *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung Th- Chủ tịch UBND

thị trấn Nông trường TP, huyện VC; Có mặt.

2. Chủ tịch UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái:
Ông Nguyễn Trung Thâm; Có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội dung như sau:

Năm 1976, ông bà N, NA (là bố mẹ đẻ của bà Ng) cùng các con khai phá được diện tích khoảng 9.000m² tại khu vực giáp hồ đôi Tấu, tổ dân phố 3, thị trấn Nông trường TP, huyện VC, Yên Bái. Gia đình bố mẹ bà Ng cA tác trồng trọt, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước, không vi phạm pháp luật về đất đai, sử dụng ổn định diện tích đất trên từ năm 1976 và đã được chính quyền UBND thị trấn Nông trường TP xác định và cấp sổ thuế nông nghiệp năm 1994.

Đến năm 2001, bố mẹ bà Ng cho vợ chồng ông A, bà Ng diện tích khoảng 4.500m² đất nông nghiệp và đã được UBND thị trấn Nông trường TP xác định và cấp sổ thuế nông nghiệp năm 2001. Gia đình ông bà vẫn tiếp tục sử dụng ổn định và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Trong số 4.500m² của gia đình ông A, bà Ng đã được chuyển đổi 150m² đất sang đất thổ cư. Năm 2005, khi gia đình ông bà làm nhà thì ông Đặng Xuân C có trA chấp với gia đình ông bà. Bố mẹ bà Ng đã thống nhất với đoàn công tác của UBND thị trấn Nông trường TP cho ông Đặng Xuân C 100m² đất. Các bên đã nhất trí trong nội dung biên bản hòa giải ngày 02/3/2005. Năm 2017, gia đình ông bà đã mua lại mảnh đất của ông C. Năm 2017, do mưa bão, đất đồi sau nhà ông bà bị sập xuống, vì không có chỗ đổ đất nên gia đình ông bà Ng, A phải chặt cam và đổ đất ra vườn. Khi đã đổ xong đất, ngày 05/9/2017, bà Trần Thị L - Phó Chủ tịch UBND Thị trấn yêu cầu không được xây và dựng rào vì cho rằng đó là diện tích đất do UBND thị trấn quản lý.

Ngày 08/9/2017, UBND Thị trấn tổ chức đối thoại nhưng không thành. Đến ngày 11/9/2017, cán bộ địa chính xuống đo đạc và lập sơ đồ thửa đất có diện tích 340m², đến ngày 12/9/2017, UBND thị trấn Nông trường TP ban hành Thông báo số 17/TB-UBND (sau đây viết tắt là Thông báo số 17) do bà Trần Thị Loan ký với nội dung xác định diện tích 340m² trên là đất do UBND thị trấn quản lý. Ngày 13/9/2017, ông Cao Trung K - Cán bộ địa chính gửi cho bà Ng “Sơ đồ thửa đất đo vẽ ngày 11/9/2017”.

Theo ông A, bà Ng: Gia đình ông bà không nhất trí với Thông báo số 17 vì cho rằng diện tích 340m² là đất thuộc quyền quản lý sử dụng của ông bà nằm trong diện tích 4.500 m² đất mà ông bà được cho từ năm 2001 nên đã làm đơn khiếu nại đối với Thông báo số 17 lên Chủ tịch UBND thị trấn Nông trường TP. Ngày 04/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn ban hành Quyết định số 45/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 45) giữ nguyên các nội dung kết luận tại Thông báo số 17. Gia đình ông A, bà Ng không nhất trí và tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện VC. Ngày 27/8/2018, Chủ tịch UBND huyện VC ban hành Quyết định số 2327/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 2327) để giải quyết khiếu nại của bà Ng với nội dung giữ nguyên Quyết định số 45. Gia đình ông bà vẫn không nhất trí nên đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hủy Quyết định số 2327/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ng, đồng thời yêu cầu hủy các văn bản có liên quan là Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 và hủy Thông báo số 17/TB-UBND.

Theo người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện thì: Thửa đất mà bà Ng đang khiếu nại có diện tích là 340m², vị trí tại đỉnh dốc Đỏ tổ dân phố 6, thị trấn Nông trường TP, phía Nam tiếp giáp với đường nội thị trấn dài 20m, phía Đông giáp với đất bà Nguyễn Thị Ng dài 13m, phía Bắc giáp đất bà Ng dài 23,5m, phía Tây giáp đất ông Thức dài 21m. Thửa đất trên đã được hộ ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng san lấp năm 2017 thành mặt bằng cao hơn mặt đường.

Tại biên bản làm việc ngày 02/3/2005 về việc xác định rA giới thửa đất giữa UBND thị trấn Nông trường TP, ông Đặng Thế A, các hộ gia đình có đất liên quan và tại biên bản làm việc ngày 07/4/2005 giữa đại diện UBND thị trấn Nông trường TP về việc giao đất cho tổ dân phố 6 quản lý và các hộ gia đình có liên quan đến diện tích khu đất tại khu vực đỉnh dốc Đỏ, thuộc tổ 6 thị trấn Trần Phú, ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng đã ký công nhận phần diện tích đất 340m² là đất do Ủy ban nhân dân thị trấn Nông trường TP, đã giao cho tổ dân phố 6 quản lý, sử dụng để làm chỗ chứa, đổ đất sạt hàng năm tại khu vực lân cận. Tại biên bản làm việc ngày 11/9/2017, xác định mốc giới đất do UBND thị trấn Nông trường TP quản lý, ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng cũng đã công nhận số diện tích đất 340m² này là diện tích đất do UBND thị trấn Nông trường TP đang quản lý.

Qua kiểm tra hồ sơ, số diện tích trên không có sơ đồ, vị trí của thửa đất nên không có cơ sở căn cứ để xác định diện tích đất 340m² đất mà ông A, bà Ng khiếu nại là diện tích nằm trong 4.500m² đất của sổ thuê nông nghiệp của gia đình ông bà. Trên đất có 03 cây mít đường kính gốc khoảng 20-25 cm, nhưng số cây trên nằm trong vị trí hành lang đường nội thị của thị trấn Nông trường TP quản lý. Từ những căn cứ trên xác định diện tích đất 340m² là do UBND thị trấn Nông trường TP quản lý và đã giao cho tổ dân phố 6 sử dụng làm chỗ chứa đồ đất sạt trong khu vực. Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định số 2327/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ng trên là đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện theo pháp luật của UBND thị trấn Nông trường TP trình bày: Trước năm 2005, việc trA chấp đất đai liên quan đến gia đình ông A, bà Ng với một số hộ gia đình đã được UBND thị trấn nhiều lần giải quyết. Năm 2005, UBND ra Thông báo số 04 ngày 11/4/2005 đã ghi rõ diện tích 340m² giao cho Khu 6 quản lý, trong suốt 12 năm ông A, bà Ng không có ý kiến gì. Ngày 05/9/2017, sau khi có thông tin gia đình ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng, san, lấp đất và tự ý xây dựng hàng rào của gia đình vào diện tích đất thị trấn quản lý, Ủy ban nhân dân thị trấn đã cho các bộ phận chuyên môn có liên quan đến lập biên bản làm việc và đình chỉ việc san, lấp đất, dựng hàng rào. Đồng thời UBND thị trấn đã 02 lần mời hộ gia đình ông A, bà Ng lên trụ sở thị trấn làm việc. Qua 02 buổi làm việc và xem xét các văn bản, giấy tờ tài liệu liên quan, Ủy ban nhân dân thị trấn đã ra Thông báo số 17/TB về việc hòa giải trA chấp đất đai tại tổ dân phố 6 là đúng quy định của pháp luật.

- Chủ tịch UBND thị trấn Nông trường TP trình bày: Sau khi UBND thị trấn Nông trường TP ra Thông báo số 17, bà Nguyễn Thị Ng đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thị trấn Trần Phú. Ủy ban nhân dân thị trấn đã ban hành Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho cán bộ, công chức liên quan. Căn cứ vào Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại và các hồ sơ tài liệu có liên quan gồm Thông báo số 04/TB- UBND ngày 11/4/2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn; Biên bản xác minh những người có biết về nguồn gốc diện tích đất trA chấp; Biên bản kết thúc công khai diện tích, nguồn gốc thửa đất, và các văn bản, tài liệu khác có trong hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn đã ra Quyết định số 45/QĐ- UBND, ngày 04/12/2017 về giải quyết khiếu nại của hộ gia đình ông

A, bà Ng là đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và nội dung theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019 /HC-ST ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã quyết định: Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, 206 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ các Điều 8, 164, 203 Luật Đất đai; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A, hủy Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện VC về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ng và Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A về việc yêu cầu hủy Thông báo số 17/TB-UBND ngày 12/9/2017 về việc hòa giải trA chấp đất đai tại tổ dân phố 6 của UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/12/2019, ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng có đơn kháng cáo đề nghị hủy thông báo số 17/TB-UBND ngày 12/9/2017 của UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo. Đại diện UBND thị trấn Nông trường Trần Phú đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả trA luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tính đến thời điểm bà Ngân, ông A khởi kiện yêu cầu của hủy Thông báo số 17/TB-UBND thì thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm thấy Thông báo trên có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện nên căn cứ

vào khoản 1 Điều 6 của Luật Tổ tụng hành chính, cấp sơ thẩm đã xem xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của Thông báo số 17/TB-UBND trong cùng vụ án là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Phần bản án sơ thẩm xem xét và quyết định hủy Quyết định số 2327/QĐ-UBND, ngày 27/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện VC và Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Nông trường TP, huyện VC, tỉnh Yên Bái vì ban hành không đúng thẩm quyền, các đương sự không kháng cáo, HĐXX phúc thẩm không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện, đề nghị hủy Thông báo số 17/TB-UBND, ngày 12/9/2017 của UBND thị trấn Nông trường TP, HĐXX phúc thẩm thấy:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục:

Khoản 2 Điều 8; Điều 164 Luật Đất đai quy định “UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương...”

Do vậy, sau khi UBND thị trấn Nông trường TP lập các văn bản xác định vị trí diện tích đất do UBND thị trấn quản lý và đã ban hành Thông báo số 17/TB-UBND, ngày 12/9/2019 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định.

Về thể thức: Thông báo số 17/TB-UBND về việc hòa giải trA chấp đất đai tại tổ dân phố số 6 của UBND thị trấn Nông trường TP là đúng thể thức và kỹ thuật xây dựng văn bản.

Về nội dung: Biên bản làm việc ngày 02-3-2005 (Bút lục 41, 42, 43 và bút lục 74, 75) lập tại thực địa đã xác định rA giới các thửa đất tại khu vực 6 và xác định diện tích đất chưa sử dụng do UBND thị trấn quản lý là 340 m² (có ghi rõ các cạnh và vị trí thửa đất) ông A đã ký công nhận.

“Biên bản xác định vị trí rA giới đất do UBND thị trấn quản lý” lập tại thực địa ngày 11-9-2017 (có sơ đồ kèm theo, bút lục 104) thì cả ông A và bà Ng đều ký công nhận.

Sau khi có quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thị trấn thì UBND thị trấn đã lập phiếu lấy ý kiến khu dân cư của tổ dân phố 6, thị trấn Nông trường TP “xác minh nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông Đặng Thế A và bà Nguyễn Thị Ng” gồm các ông bà đã từng và đang cư trú tại tổ dân phố 6 biết về nguồn gốc thửa đất như: Ông Nguyễn Văn Quyết, ông Đặng Xuân C, ông Lê Quang Huy, ông Đặng Việt Ngữ, ông Trần Xuân Thúc, ông Phạm Văn Thịnh đều

có ý kiến xác định khu đất (340m²) không phải là thửa đất của gia đình bà Ng (bút lục 125).

Căn cứ vào các tài liệu trên, UBND thị trấn Nông trường TP đã ban hành Thông báo số 17/TB-UBND ngày 12/9/-2017, xác định diện tích đất 340m² nêu trên là đất do UBND thị trấn quản lý là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm đã phân tích, đánh giá các căn cứ, tình tiết của vụ án và quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông A, bà Ng về việc hủy Thông báo số 17/TB-UBND là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và giữ nguyên quan điểm như quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm nhưng không bổ sung được chứng cứ, tài liệu nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A; HĐXX có căn cứ để giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A; Giữ nguyên các quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 06/2019/HC-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

2. Bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Nguyễn Thị Ng và ông Đặng Thế A đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số AA 02589 ngày 13/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực

Nguyễn Xuân Hùng

Phạm Văn Tuyên

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Tuyển

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Văn Tuyền

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Văn Tuyền

